

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22834101] - Chuyên đề kỹ thuật
điều khiển (CCQ2215A)

CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 13

Số bài thi: 13

Số tờ giấy thi: 13

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150013	Nguyễn Quốc Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		Bảo	6,8	5,7	6,7
2	2122150040	Huỳnh Duy Bình	08/10/2004	CCQ2215A		Bình	5,5	6	6,2
3	2122150034	Nguyễn Xuân Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		Giáp	6	5	5,4
4	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		Hoài	5,5	5	5,2
5	2122150021	Hoàng Văn Huấn	06/06/2004	CCQ2215A		Huấn	6	6	6,0
6	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A		Huy	6,5	7	6,8
7	2122150043	Già Tấn Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		Huyền	7,5	7,8	7,7
8	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		Khôi	5,5	8,3	7,6
9	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A		Lý	5,8	6,1	6,0
10	2122150004	Phan Văn Lý	26/06/2004	CCQ2215A		Lý	5,8	6,1	6,0
11	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		Tài	5,5	6,5	6,1
12	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		Tâm	6,8	6	6,3
13	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ	19/10/2003	CCQ2215B		Vũ	5,5	6	5,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22834102] - Chuyên đề kỹ thuật
điều khiển (CCQ2215B)

CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 13..

Số bài thi:13...

Số tờ giấy thi: 13..

Đỗ Phương Nam *Nguyễn Văn Tuấn* *Đỗ Phương Nam* *Nguyễn Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		<i>Huỳnh Thái</i>	8	7	7,4
2	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B		<i>Đỗ Thế</i>	5	5,6	5,6
3	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Quốc</i>	6	7,0	6,6
4	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tân	11/06/2004	CCQ2215B		<i>Tân</i>	8,2	7,8	8
5	2122150035	Huỳnh Văn	Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	6	6	6,0
6	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B		<i>Phan Ngọc</i>	7,3	8,7	7,7
7	2121150021	Nguyễn Kim	Tiến	15/09/2003	CCQ2115A		<i>Vàng</i>	0	0	0
8	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tính</i>	7,5	7	7,2
9	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B		<i>Trí</i>	4,5	6	5,4
10	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B		<i>Trình</i>	8,5	7	7,6
11	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trực</i>	7,6	7	7,2
12	2122150030	Hồ Quang	Trung	28/10/2004	CCQ2215B		<i>Trung</i>	7,0	8	7,6
13	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		<i>Truyền</i>	4,9	6	5,6
14	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B		<i>Việt</i>	8,5	8	8,2